

Bản án số: 120/2023/HC-PT
Ngày: 21-4-2023
V/v Khiếu kiện quyết định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**
Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**
Ông **Trần Đức Kiên.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Hòa Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 21-4-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 361/2022/TLPT-HC ngày 26-12-2022 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2022/HC-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1024/2023/QĐ-PT ngày 20-3-2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28-4-2022):

Ông **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29-4-2022):

Ông **Võ Văn C** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

2.1. Ông **Lê Minh Đ** - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên hệ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2.2. Ông Võ Duy N - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên hệ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Kho X - Cục quân khí;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn H** - Chức vụ: Chủ nhiệm Kho X; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:

Ông **Nguyễn Thanh N** - Chức vụ: Phó đội trưởng Đội Vệ binh Kho X, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 10-4-1990, bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng của ông YD Byă khoảng 1.400 m² đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà Nguyễn Thị L đã làm nhà ở, quản lý, canh tác, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1990 đến nay, không có tranh chấp với ai.

Đầu năm 2019, gia đình bà Nguyễn Thị L có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ), nên đã liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đo đạc hiện trạng thửa đất. Ngày 13/3/2019, đại diện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk, đại diện Kho X (thuộc Cục Quân khí - Tổng cục Kỹ thuật, viết tắt Kho X), đại diện Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường T, đại diện chủ sử dụng đất và đại diện các chủ sử dụng đất liền kề đã lập Biên bản về việc kiểm tra, xác minh hiện trạng, ranh giới thửa đất. Kết quả kiểm tra, xác minh như sau: Chủ sử dụng đất đã thống nhất chỉ mốc ranh giới hiện trạng thửa đất ngoài thực địa; quá trình quản lý sử dụng: Bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng của ông YD Byă (tên thường gọi: X, địa chỉ: thành phố B); hiện trạng: Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, 01 ao nuôi cá; ranh giới ổn định. Phần đất giáp với Kho X đã được Kho X chôn trụ bê tông kiên cố và rào kẽm gai; phần đất giáp các hộ dân liền kề cũng đã chôn cọc bê tông và rào kẽm gai cố định. Phía Bắc giáp với Tổng kho X; phía Tây giáp với đất ông Nguyễn Đình T; tranh chấp, khiếu nại: Không. Tại biên bản này, đại diện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk đã có ý kiến: *Ngày 28-01-2019, chúng tôi đã đo đạc thực địa đúng hiện trạng theo phần đất bà L sử dụng, có bản mô tả ranh giới thửa đất theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19-5-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ngoài ra, không có bất kỳ ai có ý kiến gì khác.*

Tuy nhiên, đến ngày 21-3-2022, Kho X ban hành Công văn số 453/CV-X về việc trả lời Công văn số 682/STNMT-QLĐĐ ngày 15-3-2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk về việc xử lý kiến nghị của hộ gia đình, cá nhân liên quan đến việc sử dụng đất của Kho X, có nội dung: Qua kiểm tra đối chiếu với hồ sơ địa chính, lồng ghép bản đồ địa chính, thì phần diện tích thửa đất của bà Nguyễn Thị L đang sử dụng nằm trong thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36,

diện tích 2.007.539 m², tại phường T, thành phố B đã được UBND tỉnh giao cho Kho X - Cục Quân khí quản lý và sử dụng vào mục đích đất quốc phòng tại Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 18-10-1991 về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434867 ngày 21-10-2008 theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Kho X đang quản lý và vẫn còn nhu cầu sử dụng.

Kho X cho rằng đang quản lý sử dụng phần đất của gia đình bà Nguyễn Thị L là không đúng thực tế, mâu thuẫn với kết quả kiểm tra, xác minh hiện trạng, ranh giới thửa đất (có sự tham gia, xác nhận và đóng dấu của đại diện Kho X). Việc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kho X trong đó có một phần chồng lấn lên thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị L là không đúng thực tế nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Nguyễn Thị L. Vì vậy, bà Nguyễn Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 18-10-1991 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao 256 ha đất cho Đơn vị Y - Cục vũ khí - Bộ quốc phòng (nay là Kho X - Cục Quân khí) để sử dụng vào mục đích xây dựng Kho quân sự, lô đất có vị trí thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy một phần Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kho X đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m², địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434867 ngày 21-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Kho X đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m², địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bị kiện, UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:

Ngày 19-10-1976, Tổng Cục Kỹ thuật - Quân đội nhân dân Việt Nam có Công văn số 81/XD; theo đó, trên cơ sở khu kho M, Duy Tân vận chuyển tiếp thu của địch đã có sẵn, đơn vị Tổng Kho X đã T hành di dân xung quanh kho, đền bù hoa màu, lập rào bảo vệ. Trên cơ sở kết quả kiểm tra xác nhận Sơ đồ khu vực kho M đã được Ủy ban nhân dân cách mạng (UBND CM) các phường Tân T, T (nay là UBND các phường Tân T, T) và UBND CM thị xã B (nay là thành phố B) và UBND tỉnh Đắk Lắk ký duyệt.

Ngày 24-8-1991, Đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ Quốc phòng có Công văn số 01; theo đó, đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk cấp trao quyền sở hữu đất cho đơn vị.

Ngày 01-10-1991, Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Nông Lâm nghiệp Đắk Lắk có Tờ trình số 125 TT/ĐĐ về việc đề nghị giao 256 ha đất cho Đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ Quốc phòng.

Ngày 18-10-1991, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định giao đất số 478/QĐ-UB; theo đó, giao 256 ha cho Đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ Quốc phòng sử dụng vào mục đích xây dựng kho quân sự. Lô đất có vị trí trong ranh giới hành chính thị xã Buôn Mê Thuột; phía Bắc giáp đất phường Tân T, phía Tây giáp đất xã Ea Nuôl, phía Đông giáp đất phường T, phía Nam giáp xã Ea Tam, phường T.

Ngày 08-9-2008, Kho X - Cục Quân khí có Báo cáo số 641/BC-X về việc rà soát kê khai hiện trạng sử dụng đất quốc phòng Kho X - Cục Quân khí quản lý trên địa bàn thành phố B tỉnh Đắk Lắk, đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSD đất cho Kho X với diện tích 2.167.481 m² (thửa 1, 2, 3, 4, 5, 6 theo sơ đồ).

Ngày 08-10-2008, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 553/STNMT-ĐKTK đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kho X - Cục Quân khí.

Ngày 21-10-2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2787/QĐ-UB về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434864, thửa đất số 238, tờ bản đồ 25 diện tích 6.870 m²; Giấy CNQSD đất số AH 434865, thửa đất số 175, tờ bản đồ 25 diện tích 1.220 m²; Giấy CNQSD đất số AH 434866, thửa đất số 28, 29, 30, tờ bản đồ 29 diện tích 24.925,7 m² và Giấy CNQSD đất số AH 434867 thửa đất số 01, tờ bản đồ 36 diện tích 2.007.539 m² cho Kho X - Cục Quân khí.

Việc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 18-10-1991 về việc giao 256,0 ha đất cho Đơn vị Y - Cục Vũ khí (nay là Kho X - Cục Quân khí); ban hành Quyết định số 2787/QĐ-UB ngày 21-10-2008 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kho X - Cục Quân khí và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434867 ngày 21-10-2008 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ 36 diện tích 2.007.539 m² cho Kho X - Cục Quân khí là đúng quy định của Luật Đất đai năm 1987 và Luật Đất đai năm 2003.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là không có cơ sở, vì UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành các quyết định và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kho X - Cục quân khí trình bày:

Kho X được thành lập theo Quyết định số 31/QĐ-KT ngày 12-02-1976 của Tổng cục kỹ thuật đóng quân trên địa bàn phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 11-11-1976, sơ đồ khu vực kho M đã được xác định ranh giới với UBNDCM phường Tân T, T, UBNDCM thị xã B, UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 18-10-1991, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số 478/QĐ-UBND về việc giao đất cho Đơn vị Y - Cục vũ khí, Bộ quốc phòng (nay là kho X - Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật, Bộ Quốc Phòng) diện tích 256 ha có xác nhận của UBND phường Tân T, T và UBND thành phố B và UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21-10-2008, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số 2787/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kho X - Cục quân khí, với tổng diện tích là 2.040.554,7 m² theo điểm 4 điểm đất cụ thể như sau:

- Điểm 1: Giấy CNQSD đất số AH 434864 = 6.870 m²
- Điểm 2: Giấy CNQSD đất số AH 434865 = 1.220 m²
- Điểm 3: Giấy CNQSD đất số AH 434866 = 24.925,7 m²
- Điểm 4: Giấy CNQSD đất số AH 434867 = 2.007.539 m²

Ngày 14-4-2011, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số 963/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 32.245 m² để mở vành đai phía Tây thành phố B. Đơn vị

đã bàn giao xong theo Biên bản bàn giao số 5804/BB-BTM ngày 10-11-2014 của Bộ Tham mưu - Tổng cục kỹ thuật. Hiện tại, đơn vị đang quản lý đất tại Giấy CNQSDĐ số AH 434867 diện tích đất là 1.975.294 m². Tổng diện tích đất quốc phòng đơn vị đang quản lý, sử dụng hiện nay là 2.008.309,7 m².

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2022/HC-ST ngày 30-9-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 12 của Luật Đất đai năm 1987; Điều 32, Điều 89 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 127 và Điều 138 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Hủy một phần Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 18-10-1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giao 256 ha đất cho Đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ Quốc phòng để sử dụng vào mục đích xây dựng Kho quân sự, lô đất có vị trí thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Hủy một phần Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kho X - Cục Quân khí đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m², địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434867 ngày 21-10-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Kho X - Cục Quân khí đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m², địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25-10-2022, người bị kiện là UBND tỉnh Đắk Lắk kháng cáo bản án.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt tại phiên tòa và đề nghị bác kháng cáo. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính:

- Bác kháng cáo của người bị kiện; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

Ngày 18-10-1991, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 478/QĐ-UB về việc giao 256 ha đất cho Đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ Quốc phòng (nay là Kho X - Cục Quân khí) để sử dụng vào mục đích xây dựng Kho quân sự, lô đất có vị trí thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 21-10-2008, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2787/QĐ-UBND về việc cấp Giấy CNQSDĐ cho Kho X - Cục Quân khí đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m², địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Cùng ngày, UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSDĐ số AH 434867 cho Kho X - Cục Quân khí đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Các quyết định nêu trên của UBND tỉnh Đắk Lắk đều có nội dung “làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...” nên là quyết định hành chính và là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Bà Nguyễn Thị L T hành thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ thì phát hiện thửa đất gia đình bà đang sử dụng nằm trong thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 đã cấp cho Kho X - Cục Quân khí. Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bị ảnh hưởng, bà Nguyễn Thị L khởi kiện các quyết định này. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính.

Sau khi biết sự việc, gia đình bà Nguyễn Thị L đã làm đơn gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Ngày 03-6-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 1420/STNMT-CCQLĐ về việc xử lý đơn kiến nghị, có nội dung phần diện tích bà L đang sử dụng đã được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Kho X và yêu cầu Kho 864 rà soát lại tình hình sử dụng đất của đơn vị tại vị trí bà L đang sử dụng, trường hợp đất không thuộc đơn vị quản lý hoặc không còn nhu cầu sử dụng, thì yêu cầu Kho X sắp xếp cơ sở nhà, đất giao lại cho địa phương quản lý. Ngày 21-3-2022, Kho X ban hành Công văn số 43/CV-X trả lời có nội dung xác nhận phần diện tích bà L đang sử dụng, Kho X đang quản lý và vẫn còn nhu cầu sử dụng. Qua đó, bà L mới biết được các quyết định giao đất, cấp Giấy CNQSDĐ và thông tin Giấy CNQSDĐ của Kho X. Ngày 31-3-2022, bà L làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là

đúng quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk T hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1]. Về nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất:

Theo người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày, thì ngày 10-4-1990, bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng của ông YD Byã khoảng 1.400 m² đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (thể hiện tại Giấy bán ruộng nước đề ngày 10-4-1990); gia đình bà Nguyễn Thị L đã làm nhà ở, quản lý, canh tác, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1990 đến nay, không có tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Kho X - Cục Quân khí thừa nhận bà Nguyễn Thị L đã xây dựng nhà, trồng một số cây trên đất và sử dụng đất ổn định từ năm 1990; năm 2014, Kho X T hành cấm mốc, rào kẽm gai kiên cố phần đất giáp với đất của bà Nguyễn Thị L, trước khi T hành cấm mốc, rào đất thì bà L có cung cấp cho Kho X 01 Giấy bán ruộng nước đề ngày 10-4-1990, giữa người chuyển nhượng là ông YD Byã và người nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị L.

Tại Biên bản về việc kiểm tra, xác minh hiện trạng, ranh giới thửa đất ngày 13-3-2019, có các thành phần tham dự gồm đại diện Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk, đại diện Kho X, đại diện UBND phường T, đại diện chủ sử dụng đất và đại diện các chủ sử dụng đất liền kề thể hiện: Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, 01 ao nuôi cá; ranh giới ổn định; phần đất giáp với Kho X đã được Kho X chôn trụ bê tông kiên cố và rào kẽm gai; phần đất giáp các hộ dân liền kề cũng đã chôn cọc bê tông và rào kẽm gai cố định; phía Bắc giáp với Tổng kho X; phía Tây giáp với đất ông Nguyễn Đình T; đất không có tranh chấp, khiếu nại.

Tại Trích đo hiện trạng thửa đất ngày 27-7-2022 của Công ty TNHH đo đạc - Tư vấn Nông lâm nghiệp Đắk Lắk thể hiện Kho X đã cắm 04 cột mốc ranh giới bao quanh trùng với diện tích đất của bà Nguyễn Thị L đang sử dụng. Theo kết quả đo vẽ, thì phần diện tích bà L đang sử dụng có diện tích 2.882,5 m².

Như vậy, gia đình bà Nguyễn Thị L đã làm nhà ở, quản lý, canh tác, sử dụng diện tích 2.882,5 m² đất ổn định, liên tục từ năm 1990 đến nay, không có tranh chấp.

Ngày 03-6-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 1420/STNMT-CCQLĐ về việc xử lý kiến nghị của ông Đoàn Trường Sơn (con ruột là Nguyễn Thị L), theo đó qua kiểm tra đối chiếu với hồ sơ địa chính, lồng ghép bản đồ địa chính, thì phần diện tích thửa đất của bà Nguyễn Thị L đang sử dụng nằm trong thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m², tại phường T, thành phố B đã được UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho Kho X - Cục Quân khí quản lý và sử dụng vào mục đích đất quốc phòng tại Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 18-10-1991 về việc giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ số AH 434867 ngày 21-10-2008 theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND

ngày 21-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2.2]. Về Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 18-10-1991 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao 256 ha đất cho đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ Quốc phòng (nay là Kho X - Cục Quân khí) để sử dụng vào mục đích xây dựng Kho quân sự:

Ngày 18-10-1991, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 478/QĐ-UB về việc giao 256 ha đất cho Đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ Quốc phòng (nay là Kho X - Cục Quân khí) để sử dụng vào mục đích xây dựng Kho quân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 của Luật Đất đai năm 1987. Tại khoản 4 Điều 12 của Luật Đất đai năm 1987 quy định: *“Việc quyết định giao đất phải tuân theo những quy định sau đây:...*

4. Việc quyết định giao đất đang sử dụng cho người khác chỉ được T hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, quy định tại Điều 15 của Luật này”.

Trong 256 ha đất mà UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho Đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ quốc phòng (nay là Kho X - Cục Quân khí) có 1.400 m² đất (đo đạc thực tế có diện tích 2.882,5 m²) mà bà Nguyễn Thị L đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ năm 1990. Tuy nhiên, khi chưa có quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất mà bà L đang sử dụng (trước năm 1990 là ông YD Byă sử dụng) nhưng UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 18-10-1991 là không tuân thủ quy định về giao đất được quy định tại Điều 12 của Luật Đất đai năm 1987 (đã nêu trên), từ đó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L.

[2.2.3]. Về Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434867 ngày 21-10-2008, do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Kho X - Cục Quân khí:

UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434867 ngày 21-10-2008 cho Kho X là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003.

Tuy nhiên, tại Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003 quy định: *“Việc quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi có quyết định thu hồi đất đó”.* Như nhận định ở trên, trong thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m² mà UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Kho X - Cục Quân khí có 2.882,5 m² mà gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Nguồn gốc lô đất là do bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng của ông YD Byă từ năm 1990. Lô đất này được gia đình ông YD Byă khai hoang và sử dụng trước năm 1977 (năm sinh của bà H Mang Kpor là con gái ông YD Byă). Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, 01 ao nuôi cá, ranh giới ổn định). Phần đất giáp với Kho X đã được Kho X chôn trụ bê tông kiên cố và rào kẽm gai; phần đất giáp các hộ dân liền kề cũng đã chôn cọc bê tông và rào kẽm gai cố định từ trước và đến năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng cán bộ thuộc Kho X - Cục Quân khí cũng đã khảo sát và lập biên bản xác nhận mốc giới thực địa, thì hai lô đất được xác định là tách rời nhau.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện các thủ tục cấp Giấy GCNQSDĐ, các cơ quan có thẩm quyền không kiểm tra, trích đo địa chính khu đất, không đối chiếu thửa đất đo đạc trên thực tế với thửa đất trên bản đồ địa chính, mà chỉ căn cứ vào bản đồ quy hoạch ranh giới sử dụng đất khu vực Kho M cho Đơn vị Y - Cục Vũ khí (được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt từ năm 1976) và Biên bản xác định ranh giới sử dụng đất của Kho 765, Kho 864 ngày 15-8-1991 của các ban ngành địa phương có liên quan, không phát hiện hiện trạng thực tế có hộ bà Nguyễn Thị L đang quản lý, sử dụng một phần diện tích đất, từ đó Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk xác nhận hiện trạng sử dụng đất ổn định và UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSDĐ cho Kho X là không đúng quy định tại Điều 32 của Luật Đất đai năm 2003, Điều 127 và Điều 138 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2003.

Do đó, việc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 và cấp Giấy CNQSDĐ số AH 434867 ngày 21-10-2008 cho Kho X đối với phần diện tích mà gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng là không đúng trình tự, thủ tục giao đất, không đúng đối tượng sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Nguyễn Thị L.

Từ các căn cứ nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L; hủy một phần Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 18-10-1991 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao 256 ha đất cho Đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ Quốc phòng; hủy một phần Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kho X - Cục Quân khí đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m²; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434867 ngày 21-10-2008, do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Kho X - Cục Quân khí đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m²*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của người bị kiện là UBND tỉnh Đắk Lắk đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên UBND tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Bác kháng cáo của người bị kiện là UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2022/HC-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 12 của Luật Đất đai năm 1987; Điều 32, Điều 89 của Luật Đất đai năm 2003, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Hủy một phần Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 18-10-1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giao 256 ha đất cho đơn vị Y - Cục Vũ khí - Bộ Quốc phòng để sử dụng vào mục đích xây dựng Kho quân sự, lô đất có vị trí thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy một phần Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 21-10-2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Kho X - Cục Quân khí đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m², địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434867 ngày 21-10-2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Kho X - Cục Quân khí đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36, diện tích 2.007.539 m², địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0022530 ngày 15-11-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, nay được chuyển thành án phí; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường